

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: KQ.2115.25

Đơn vị được lấy mẫu: Công ty Cổ phần phát triển khu công nghiệp Viglacera Yên Mỹ

Địa chỉ: ĐH-CN4 Khu công nghiệp Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Loại mẫu: Nước thải

Số mẫu: 01

Ngày quan trắc: 04/11/2025

Đại diện nhóm quan trắc hiện trường: Man Đình Hữu

Thời gian thử nghiệm : 04/11/2025 – 14/11/2025

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 02:2019/HY
				PM.041125.07/ NT02	
1	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	°C	25,4	40
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7,67	6 – 9
3	Độ màu	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)	Pt/Co	18,8	50
4	TSS	TCVN 6625:2000	mg/L	15,6	34,425
5	COD	SMEWW 5220C:2023	mg/L	11,4	51,6375
6	BOD ₅	TCVN 6001-1:2021	mg/L	4,63	20,655
7	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	<0,06 (LOQ = 0,06)	4,05
8	Sắt (Fe)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,189	0,81
9	Mangan (Mn)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,105	0,405
10	Tổng Nitơ	TCVN 6638:2000	mg/L	8,32	16,2
11	Tổng Phốt pho	TCVN 6202:2008	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	3,24
12	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD = 0,0003)	0,0405
13	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD = 0,003)	0,081
14	Asen (As)	SMEWW 3114B - 2023	mg/L	KPH (LOD = 0,002)	0,0405
15	Thủy ngân (Hg)	TCVN 7877 - 2008	mg/L	KPH (LOD = 0,0005)	0,00405
16	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	1,62
17	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	mg/L	KPH (LOD = 0,005)	0,162
18	Niken(Ni)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD = 0,004)	0,162
19	Kẽm(Zn)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD = 0,03)	2,43
20	Xianua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (LOD = 0,002)	0,0567
21	Dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	KPH (LOD = 1,2)	4,05
22	Clorua(Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	67,1	405
23	Crom VI (Cr ⁶⁺)	SMEWW 3500-Cr.B:2023	mg/L	KPH (LOD = 0,003)	0,0405

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;

2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;

3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;

4. Dấu “*”: Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu “***”: Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số: KQ.2115.25

Stt	Thông số	Phương pháp phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCĐP 02:2019/HY
				PM.041125.07/ NT02	
24	Clo dư	TCVN 6225-3:2011	mg/L	KPH (LOD = 0,2)	0,81
25	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F- B.D:2023	mg/L	0,560	4,05
26	Tổng Phenol	TCVN 6216:1996	mg/L	KPH (LOD = 0,002)	0,081
27	Sunfua (S ²⁻)	SMEWW 4500-S ²⁻ . B&D:2023	mg/L	<0,06 (LOQ = 0,06)	0,162
28	Hóa chất BVTV clo hữu cơ (Aldrin)**	US EPA method 3510C+ US EPA method 3620C+ US EPA method 8270D	µg/L	KPH (MDL=0,01)	+
29	Hóa chất BVTV photpho hữu cơ (Dimethoate)**	US EPA method 3510C+ US EPA method 3620C+ US EPA method 8270D	µg/L	KPH (MDL=0,02)	+
30	Polyclobiphenyl (PCB ₂₈)**	US EPA method 3510C+ US EPA method 3620C+ US EPA method 8270D	µg/L	KPH (MDL=0,015)	+
31	Tổng hoạt độ phóng xạ α**	TCVN 8879:2011	Bq/L	KPH (MDL=0,02)	0,1
32	Tổng hoạt độ phóng xạ β**	TCVN 8879:2011	Bq/L	KPH (MDL=0,04)	1,0
33	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100mL	940	3.000

Ghi chú:

- PM.041125.07/NT02: Mẫu nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải của Công ty. Tọa độ N: 20°53'24,6"; E: 106°04'18,4".
- KPH: Không phát hiện; LOD/MDL: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;
- QCĐP 02:2019/HY- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp, với K_q = 0,9; K_f = 0,9; K_{hy} = 0,85.
- Căn cứ theo Giấy phép môi trường số 206/GPMT-BTNMT cấp ngày 28 tháng 6 năm 2023.
- Thông số Asen(As), Thủy ngân (Hg) được thực hiện bởi cơ sở 2 địa chỉ tại đường số 20, phường Trần Hưng Đạo, tỉnh Hưng Yên (VIMCERTS 016).
- Dấu "+": Giới hạn của thông số không quy định trong Quy chuẩn.
- Dấu "***": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ - Công ty cổ phần môi trường Đại Nam (VIMCERTS 288).

Hưng Yên, ngày 14 tháng 11 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH



Ngô Thị Minh Liên

**PHÒNG PHÂN TÍCH
 MÔI TRƯỜNG VÀ ĐỘC CHẤT**
 Phó Trưởng phòng phụ trách



Nguyễn Hữu Chức

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Ngọc Ba

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
 2. Không được trích sao phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm;
 3. Sau 21 ngày kể từ khi nhận được phiếu kết quả thử nghiệm, nếu đơn vị gửi mẫu không có kiến nghị về kết quả, Trung tâm sẽ tiến hành hủy mẫu theo quy định và không giải quyết khiếu nại;
 4. Dấu "***": Những phép thử được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Dấu "***": Những phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ.